

VỀ HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI TRONG DI SẢN VĂN HÓA Ở THANH HÓA

TRẦN VIỆT ANH*

TÓM TẮT

Con người là chủ thể về mọi mặt của văn hóa, vì thế hình tượng con người là một trọng điểm của điêu khắc truyền thống Việt từ thời tiền sử tới ngày nay. Thông qua di sản văn hóa xứ Thanh, bài viết đề cập tới giá trị điêu khắc về con người từ nghệ thuật Đông Sơn qua các đề tài chạm khắc đa dạng trên các di tích kiến trúc cụ thể ở thời quân chủ độc lập. Từ đó rút ra một số ý nghĩa cơ bản ít nhiều gắn với lịch sử và nghệ thuật.

Từ khóa: hình tượng con người; điêu khắc truyền thống; thủ pháp thể hiện.

ABSTRACT

Human is the subject of all culture, so human images are a major topic of traditional sculpture of Viet people from ancient time. Through cultural heritage, the paper mentions the sculptural values of human images from Đông Sơn art to independent period on some architectural sites, and draws some basic meanings of these arts and history.

Key words: Human image; Traditional sculpture; Expression method.

Trong di sản nghệ thuật truyền thống của dân tộc, điêu khắc có một lịch sử phát triển liên tục và cô đúc hình ảnh về con người Việt Nam. Dù dưới dạng thần linh hay thế tục, hình tượng con người được thể hiện ngày càng đa dạng và phong phú trong nội dung, chủ đề và thủ pháp nghệ thuật. Thanh Hóa là một vùng đất có nền văn hóa phát triển từ lâu đời. Hình tượng con người được thể hiện trong các công trình nghệ thuật đã phần nào cho chúng ta biết về sự phát triển của hình tượng con người qua từng giai đoạn lịch sử.

Điêu khắc là nghệ thuật tạo hình ba chiều, để thể hiện ý tưởng của "tác giả", ngôn ngữ của điêu khắc cơ bản là mảng, khối.

Điêu khắc còn là hình thức đắp nổi, khoét lõm, đặc biệt gồm hai thể loại chính: phù điêu, tượng tròn; đôi khi tác phẩm phù điêu cần có kiến trúc hoặc các vật dụng chức năng khác đi kèm, nhưng hạn chế về góc nhìn, thường được thể hiện có tính chất ước lệ.

Hình tượng con người trong mỹ thuật Thanh Hóa có thể bắt đầu từ văn hóa Đông Sơn (khoảng thế kỷ III trước Công nguyên đến thế kỷ III sau Công nguyên), được khắc họa trên những trống, thạp, vũ

khí, dụng cụ bằng đồng, phần nhiều mang nhiều tính xã hội, luôn hòa với thiên nhiên, muôn vật, nhưng lại là trung tâm của đề tài. Đó là hình tượng con người quần tụ trong các nghi lễ cầu đảo, đánh trống, bắn cung, cắm giáo, mác, hiến tế, thổi sáo, công nhau thổi khèn, trai gái giao hoan... Theo cổ GS. Trần Quốc Vượng, trên trống đồng Đông Sơn cũng xuất trình một quan niệm vũ trụ luận của người Việt cổ về 3 tầng 4 thế giới: tầng trên - trời, tầng giữa - người và tầng dưới - đất và nước. Như thế, trống đồng - với mặt trống và thân chia thành ba phần của nó có thể coi là một biểu tượng của trục vũ trụ. Hình tượng con người ở trên mặt trống với những dáng vẻ khác nhau cho thấy một xã hội nguyên thủy mà cư dân lúa nước náo nức, tung bừng, cùng với thiên nhiên quay quần xung quanh mặt trời... Thông qua cách diễn đạt, bố cục, miêu tả nhân vật, mỹ thuật Đông Sơn cho thấy sự dân chủ, cởi mở của xã hội đương thời.

Nền văn hóa Đông Sơn còn nổi tiếng với nhiều tượng trang trí khác, như tượng người trên cây đèn đồng (Lạch Trường), tượng người ở cán dao găm (núi Nưa), tượng hai người công nhau thổi khèn (Đông Sơn)... Tượng người ở cán dao thuộc văn hóa Đông Sơn phần lớn là phụ nữ, với khuỷu tay chống nạnh, cổ tay đeo hai chiếc vòng tròn to, mặt

* Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

hình trái xoan, hai tai đeo vòng to chấm vai, phần thân hình có eo thon, trang phục hoa văn hình học nhắc đi nhắc lại. Loại dao Đông Sơn với cán có hình tượng người, được phát hiện khá nhiều ở Thanh Hóa - Các tượng đôi khi có sự khác biệt ở trang phục hay mũ đội đầu, nhưng đều có đặc điểm chung là đeo nhiều trang sức.

Phần lớn tượng người thuộc nền văn hóa Đông Sơn thường trong tư thế "tĩnh", nhưng bức tượng hai người cõng nhau thối kèn lại như trong tư thế "động" - Tư thế của hai người rất sinh động, như có cảm giác bị cuốn hút vào động tác. Người cõng trong tư thế hai tay ôm ra phía sau người trên lưng, chân như đang bước đi... Bức tượng ẩn chứa nhiều thông điệp về lịch sử - văn hóa Đông Sơn. Qua đó, chúng ta như cảm thấy, người Việt cổ rất lạc quan, yêu đời, luôn hướng tới cuộc sống "đầy đủ", mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Bức tượng này đã được công nhận là bảo vật quốc gia.

Trong thời kỳ Bắc thuộc (thế kỷ I - X), gần như nền mỹ thuật Việt bị "kiềm tỏa" và có lẽ phải đến năm 1010, khi nhà Lý khẳng định được nền độc lập dân tộc thực sự, với quốc gia Đại Việt, thì nền mỹ thuật Việt mới được giải phóng và bùng nổ, với những kiến trúc chùa, tháp độc đáo. Phật giáo phát triển tới mức, như sử gia Lê Văn Hưu xác nhận: "Nhân dân quá nửa là sư sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa chiền". Theo đó, định hình một nền điêu khắc rực rỡ qua hàng loạt hiện vật được phát hiện, trong đó có chân tảng đá kê cột của chùa Phật Tích, niên đại thế kỷ XI, chạm nổi dàn nhạc công chơi tám nhạc khí rất sinh động.

Nhà Trần thay thế nhà Lý trong sự phát triển đi lên của chế độ quân chủ. Ba lần chống quân Nguyên - Mông thắng lợi, đã tạo nên một hào khí oai hùng cho dân tộc và thấm đẫm trong văn học nghệ thuật. Dù chùa chiền trong thời kỳ này không được đồ sộ, nhưng lòng tin vào đạo Phật vẫn thịnh hành. Biểu hiện ở phong cách Trần mạnh mẽ, khái quát và quan tâm đến tính biến động của cấu trúc tổng thể hơn là hình mô tả. Trong các lăng mộ thời Trần, điêu khắc đá chủ yếu là tượng người, tượng thú châu và làm thần canh giữ cho thế giới vĩnh hằng của vua. Tượng có vẻ đẹp trầm mặc và sinh động.

Thời Lê sơ, Nho giáo lên ngôi và kinh tế nông nghiệp (với quan hệ địa chủ - nông dân) phát triển mạnh. Mỹ thuật có sự chuyển biến từ một nền mỹ thuật mang đậm yếu tố Phật giáo sang nền mỹ

thuật như gắn với Nho giáo. Những dấu vết mỹ thuật thời Lê sơ còn lại đến nay cho thấy, đó là sự tập trung cho kiến trúc thành quách ở Thăng Long và đặc biệt là khu lăng mộ các vua Lê ở Lam Kinh - Thanh Hóa. Hình tượng con người trong điêu khắc thời này chủ yếu là các tượng quan hầu (6 lăng vua Lê sơ ở Lam Kinh), với lần đầu xuất hiện tượng phụ nữ ở lăng Ngô Thị Ngọc Giao. Các lăng vua Lê và hai bà hoàng hậu đều được dựng theo hình thức của lăng vua Lê Thái Tổ (làm năm 1433) - Chính giữa là đường thần đạo dẫn đến mộ phần ở cuối lăng, hai bên có hai dãy tượng châu, gồm quan hầu, lân, tê giác, ngựa, hổ... Các tượng châu với kích thước bé nhỏ, hình thức giản lược, như rất "đối lập" với kiến trúc hoành tráng của khu điện chính và vị thế của một vị vua đầu triều Lê sơ. Theo Trần Lâm Biền (*Một con đường tiếp cận lịch sử*, 2013, tr. 432) thì: Tượng mồ (Tây Nguyên) được thối hồn vào để trở thành kẻ hầu cho kiếp đời đã qua, chúng phải được làm nhỏ để tương ứng với các kiếp đời ở thế giới bên kia. Ông đặt ra một giả thiết làm việc là, thời Lê sơ, nhận thức về thế giới bên dưới của người Việt vẫn còn tương đồng với Tây Nguyên..., nên tượng mồ, dù ở lăng vua, vẫn/cũng phải làm nhỏ bé.

Nhà Mạc thay thế nhà Lê sơ. Nông thôn Việt Nam tạm yên ổn và phát triển một phong cách điêu khắc đình làng. Thế kỷ XVII, chiến tranh Trịnh - Nguyễn xảy ra, lịch sử có nhiều biến động đặc biệt, đã tác động sâu sắc đến văn hóa, nghệ thuật, nhưng đây cũng là giai đoạn thành công của văn hoá - nghệ thuật, điêu khắc dân gian. Sau đây là một số hình tượng con người tiêu biểu thời kỳ này:

- Về hình tượng con người qua chất liệu đá, thế kỷ XVII - XVIII:

Chất liệu đá được người xưa sử dụng khá nhiều trong việc khắc ghi lại dấu ấn của cuộc sống. Trên đất Thanh Hóa, thế kỷ XVII, có nhiều tượng đá ở các lăng mộ, đền, như đền chèo Hai Út (Triệu Sơn) có 4 tượng võ quan; lăng Nguyễn Văn Nghi (Đông Sơn) có 2 tượng võ quan. Ở hai di tích này tượng khá to, hơn cả tỷ lệ người thật, trang phục đơn giản, tay cầm vũ khí đứng nghiêm trang, mặt quay vào đường thần đạo.

Tượng đá thế kỷ XVIII còn lại khá nhiều, như ở lăng Lê Đình Châu (Tĩnh Gia) có 4 tượng võ quan; đền Nguyễn Nhữ Lâm (Thọ Xuân) có 2 tượng võ quan; đền Quán Đội (Thọ Xuân) có 2 tượng võ quan; lăng Trịnh Doanh (Vĩnh Lộc) có 10 tượng võ



Chạm khắc gỗ ở đền Trần Khát Chân (Thanh Hóa), thế kỷ XVII - Ảnh: Trần Lâm

quan và 2 tượng phỗng; làng Mãn Quận Công (Đông Sơn) có 10 tượng võ quan; làng Trịnh Sâm (Yên Định) có 10 tượng võ quan và 2 tượng phỗng; đình Thượng (Đông Sơn), có 2 tượng võ quan... Các tượng này thường được tạc to như người thật, đặt trước lăng mộ dọc theo đường thần đạo. Tượng cầm trên tay các loại vũ khí, ở mỗi di tích, các giáp phục có phần khác nhau, về cuối thế kỷ XVIII, các giáp phục trong từng di tích lại thay đổi về cách trang trí, có thể do lệ thuộc vào phẩm hàm và sự giàu có cá nhân.

- Về hình tượng con người trên chất liệu gỗ thế kỷ XVII - XVIII:

Hình tượng con người bằng chất liệu gỗ trong các di tích ở thế kỷ XVII - XVIII còn lại tại xứ Thanh nổi lên với chùa Hoa Long (Vĩnh Lộc), đền thờ Trần Khát Chân (Vĩnh Lộc), đình Phú Điền (Hậu Lộc), đình Bảng Môn (Hoàng Hóa), đền thờ Lê Hoàn (Thọ Xuân), đình Thượng Phú (Hà Trung). Hình tượng con người mộc mạc gắn với chủ đề bình dị của làng quê, như hình ảnh đánh vật, dâng rượu, xuất hiện ở các ván thưng ngoài hiên chùa Hoa Long, với chiều cao chỉ hơn 10cm. Tại đình Phú Điền (Triệu Lộc - Hậu Lộc) lại thể hiện hình tượng con người trên 2 bộ cốn và đầu kê. Bộ cốn bên tả (mặt trong) tạc hình người trên đầu trụ đứng, với dáng đứng thẳng, dang rộng hai

cánh tay, kỹ thuật chạm đơn giản về khối, nét mộc mạc biểu hiện tính dân gian... Đây là hình tượng người duy nhất đến nay mới tìm thấy ở kiến trúc Thanh Hóa mà được tạc ở đầu trụ. Một đặc điểm đáng quan tâm, là trong khi ở châu thổ Bắc Bộ, đương thời hình tượng con người chủ yếu được chạm khắc ở đình làng thì tại xứ Thanh, hình tượng con người dân gian vẫn còn được chạm phổ biến ở cả chùa và đền.

Một đặc điểm khác, là hình tượng con người trong chạm khắc gỗ hiếm thấy phản ánh về đề tài chiến tranh. Chúng ta chỉ thấy những người đi săn thú, đấu vật vui chơi, bắn cung..., riêng tại đình Phú Điền, trên mảng chạm (40cm x 200cm) ở cốn mè, thuộc bộ vì hồi phía trái, có hình 3 nhân vật cưỡi ngựa cầm giáo đang tập trận - Họ đều có trang phục giống nhau, đóng khố, đội mũ chữ Đĩnh. Động tác của cả ba người và ngựa có phần tương đồng với mảng chạm hiếm hoi ở đền Đệ Tứ (Mỹ Lộc, Nam Định) và ít nhiều như có ảnh hưởng từ nghệ thuật Champa (?).

Một hình tượng người ít ỏi trong đền thờ Lê Hoàn, đó là hình tượng người trên bộ vì trước hậu cung. Trong một mảng chạm lớn, ở bộ vì trước hậu cung, được phủ bởi các hình tượng rồng, hoa văn đao mác, trong đó có hai hình tượng người được tạc ở vị trí trung tâm, qua đó chúng ta như thấy, vai

trò con người ở đây như một điểm nhấn cho mảng chạm. Đó là hình tượng người cưỡi hổ, với hai tay đang giơ lên cao, trang phục đóng khố, bụng phệ ngực nở, đầu đội mũ chữ Đinh, phía trước người cưỡi hổ cũng có một con hổ đang ẩn mình trong các đao mác và dưới một đầu rồng lớn, phía sau là một hình người thứ hai quay lưng vào người cưỡi hổ, trong tư thế cưỡi rồng, dáng người và trang phục gần như người cưỡi hổ, nhưng tay phải đang nắm một chân của một con hổ khác. Hai hình tượng người này chưa tìm thấy sự tương đồng ở các di tích cùng thời khác. Sự xuất hiện của đề tài này không chỉ nói về sức mạnh của con người trong việc chinh phục tự nhiên, mà còn như muốn nhấn mạnh về “bằng rồng” (biểu tượng tiến sĩ) và “bằng hổ” (biểu tượng cử nhân) trong nhận thức “phi trí bất hưng”.

Nổi bật nhất là hình tượng con người được chạm khắc ở đình Thượng Phú, mang phong cách thế kỷ XVII, bao gồm đề tài chọi gà trên xà ngang gian giữa - hình tượng hai người ôm gà ở vị trí hai đầu của xà ngang như đang tiến gần nhau; rồi hình hai người nâng chữ “Phúc” trên xà ngang gian giữa; hình tượng người cướp lục lạc trên cổ nghê ở vì kèo bên tả. Theo lời truyền dân gian, lục lạc là biểu tượng cho sự no đủ, hạnh phúc; con nghê tượng cho sự trong sáng của tầng trời, có sức mạnh thiêng liêng và trí tuệ..., nên hình tượng người cầm dao tiến đến cướp lục lạc ở con nghê như thể hiện ý chí cưỡng lại thiên tai để cầu no đủ, hạnh phúc.

Thanh Hóa còn có một bộ tượng tròn nhân dạng điển hình mà chúng tôi muốn đề cập đến, đó là bộ tượng vua và các bà hoàng hậu, cùng phi tần ở chùa Mật, được làm năm 1671, là minh chứng sống động cho nghệ thuật tạc tượng nhân dạng ở thế kỷ XVII. Vua mặc hoàng bào, ngoài ra, không có đồ trang sức gì, nhưng sáu bà vợ mang trang phục, nữ trang khá đa dạng, đặc biệt là pho tượng hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc. Đầu các bà đều đội mũ “phượng kết”, có “nạm” nhiều ngọc và các đề tài thêu, như các hoa văn hình lửa ôm lấy hình Phật ở trước trán, mũ có tua rủ xuống vai. Cổ đeo vòng ngọc, yếm vải kết ngọc, nói lên sự giàu sang và uy quyền của hoàng gia đương thời.

Ngoài những hình tượng người như kể trên, thì tại nhiều di tích còn có các tiên nhân, đó là hình ảnh con người được thần/thánh hóa, bằng cách chạm/gắn thêm đôi cánh, hay đội mũ của nhà Phật

trong hình thức thường gắn với rồng, phượng... Phải chăng, đây là bóng dáng của các thiên thần, với chức năng khác nhau, mà con người muốn cầu viện tới.

Đến thời Nguyễn, từ thế kỷ XIX, chạm nổi hình người trên gỗ hiếm dần, điêu khắc Phật giáo tiếp tục phát triển với một tinh thần chung của xã hội phong kiến cuối mùa. Điêu khắc gỗ đã trở về với các đề tài tứ linh, tứ quý.

Qua di tích và hiện vật còn lại, hình tượng con người được thể hiện với nhiều chủ đề gắn với cuộc sống dân dã, như đấu vật, chơi cờ cho đến các đề tài có tính chất giáo dục... Ngoài ra, còn có những hình tượng miêu tả con người cụ thể, như bộ tượng vua Lê Thần Tông và cung tần...

Điêu khắc truyền thống ở Thanh Hóa phản ánh theo những nét đặc trưng riêng, phong phú, đa dạng trong ý tưởng và cách thể hiện, đã cho chúng ta hình dung rõ hơn về quá trình phát triển nghệ thuật truyền thống của xứ Thanh, mà thế kỷ XVII, XVIII là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nghệ thuật điêu khắc gỗ, với sự phong phú về nội dung đề tài và đa dạng về các thủ pháp tạo hình cũng như kỹ thuật thể hiện./.

T.V.A

Tài liệu tham khảo:

- 1- C.robquain (2005), *Le Thanh Hóa*, Người dịch: Nguyễn Xuân Lênh, Nxb. Thanh Hóa.
- 2- Trần Lâm Biên (1993), *Hình tượng con người trong nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt*, Nxb. Mỹ thuật Hà Nội.
- 3- Nguyễn Thị Thu Hà (2014), “Trang phục hoàng hậu - phi tần trên nhóm tượng cổ chùa Mật Sơn - Thanh Hóa”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 2 (47), tr. 28 - 32.
- 4- Phạm Minh Huyền (1996), *Văn hoá Đông Sơn - Tính thống nhất và đa dạng*, Nxb. Khoa học xã hội.
- 5- Lê Văn Tạo - Hà Đình Hùng (2008), *Nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa.
- 6- Lê Văn Tạo (2008), *Một số đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa.
- 7- Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb. Tri thức.
- 8- Tòng Thị Trang (2010), “Trò chơi dân gian trên chạm khắc đình làng đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ 17”, *Đặc san Thông tin khoa học, Nghiên cứu Mỹ thuật*, số 2, tr. 13 - 19.
- 9- Chu Quang Trứ (2001), *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, Nxb. Mỹ thuật.
- 10- Chu Quang Trứ (2002), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, tập I, II, Nxb. Mỹ thuật.
- 11- Trần Đình Tuấn (2012), “Hình tượng con người trên phù điêu trang trí thuộc di sản văn hóa Việt”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1 (38), tr. 78 - 80.
- 12- Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử, những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, Nxb. Văn hóa.